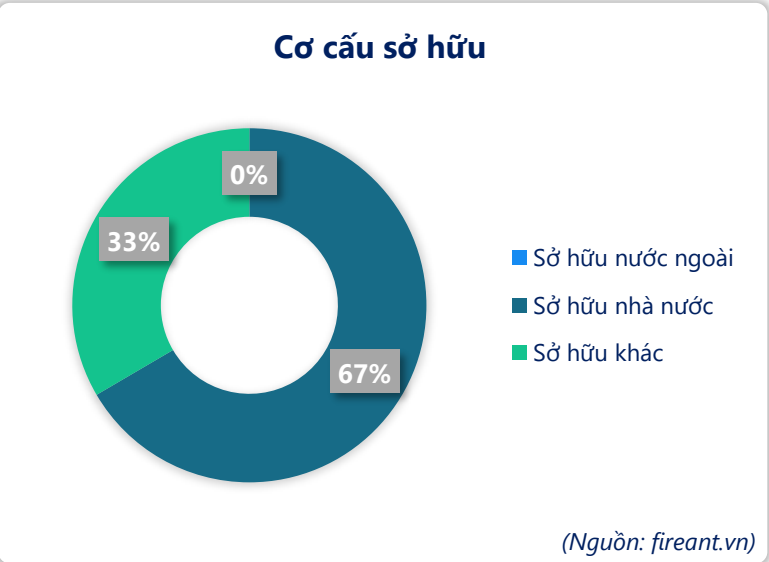
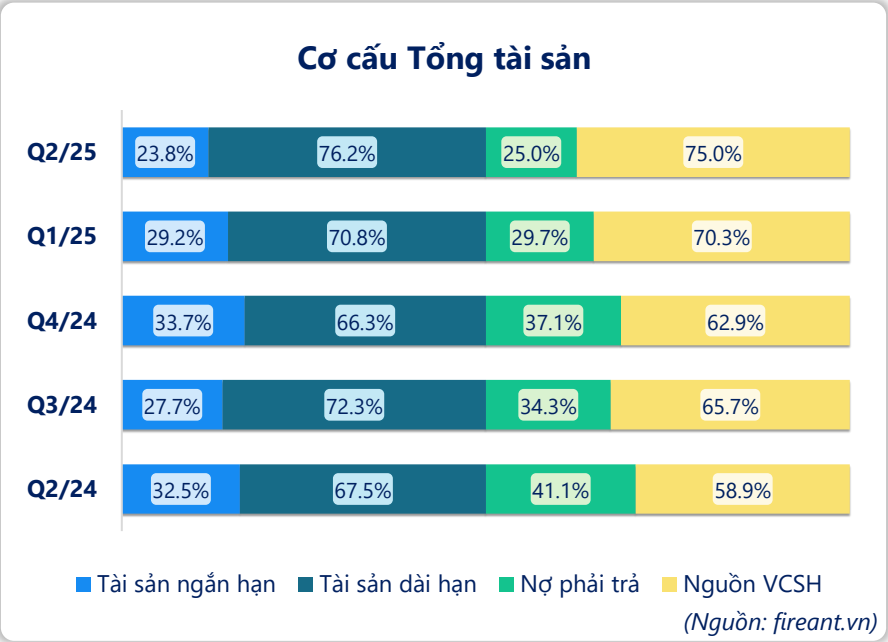
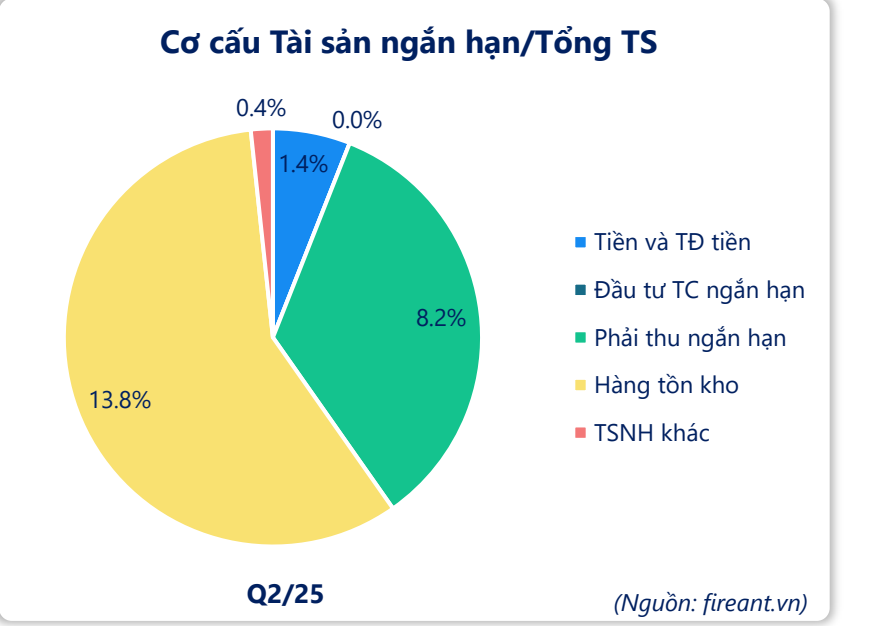
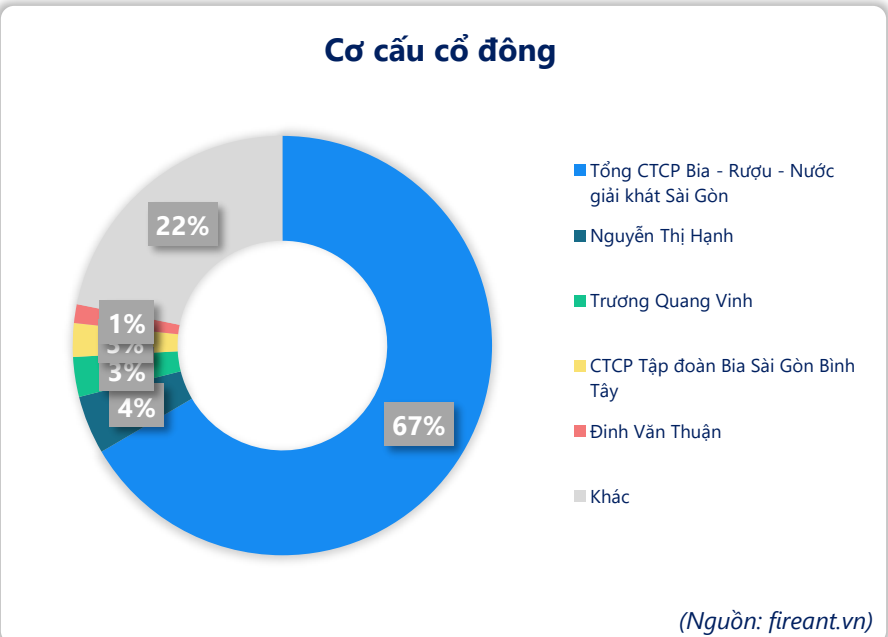
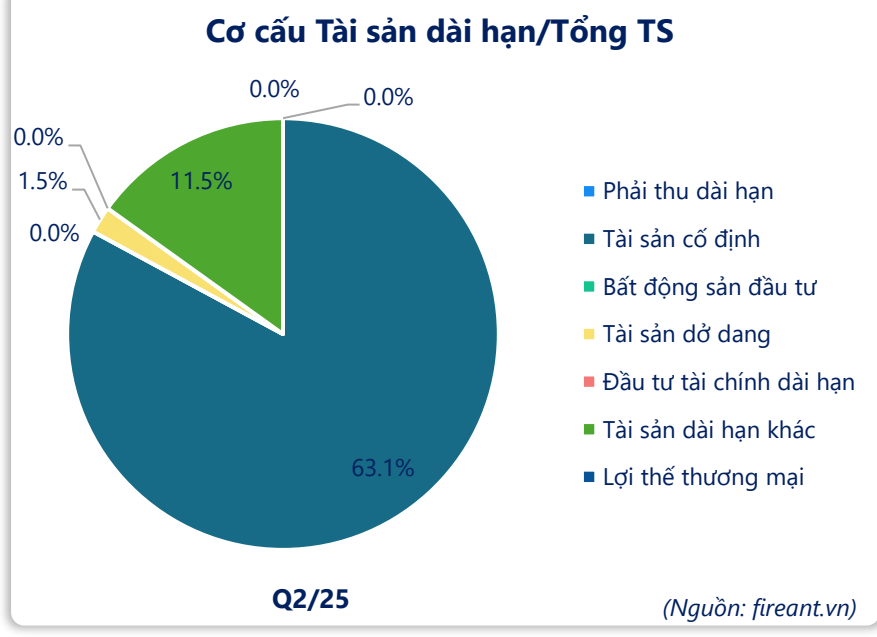
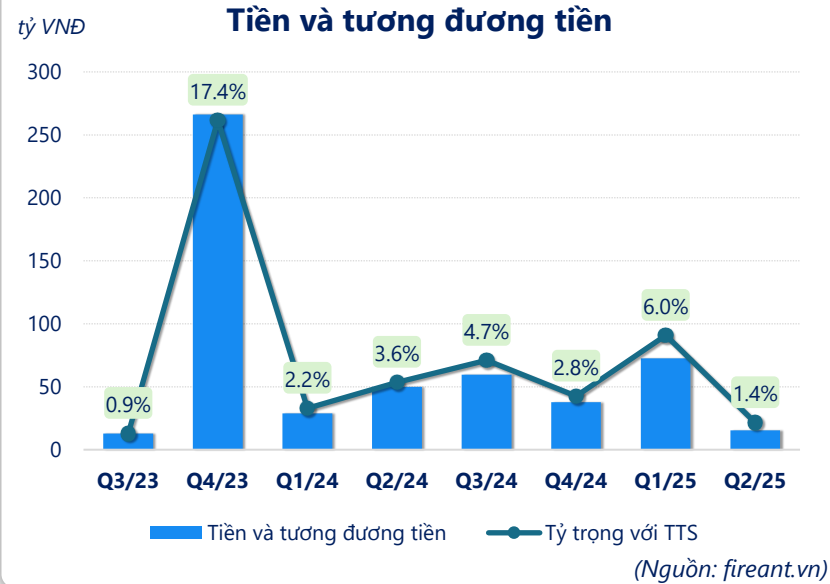
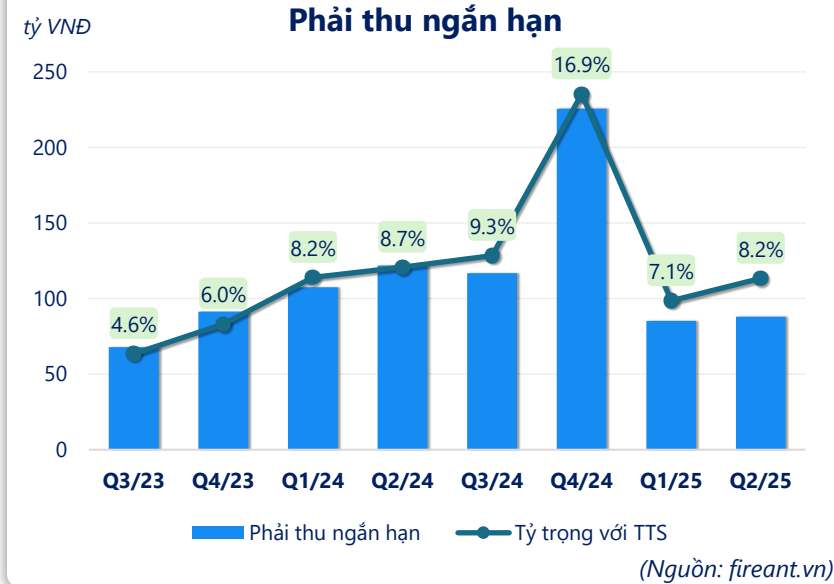
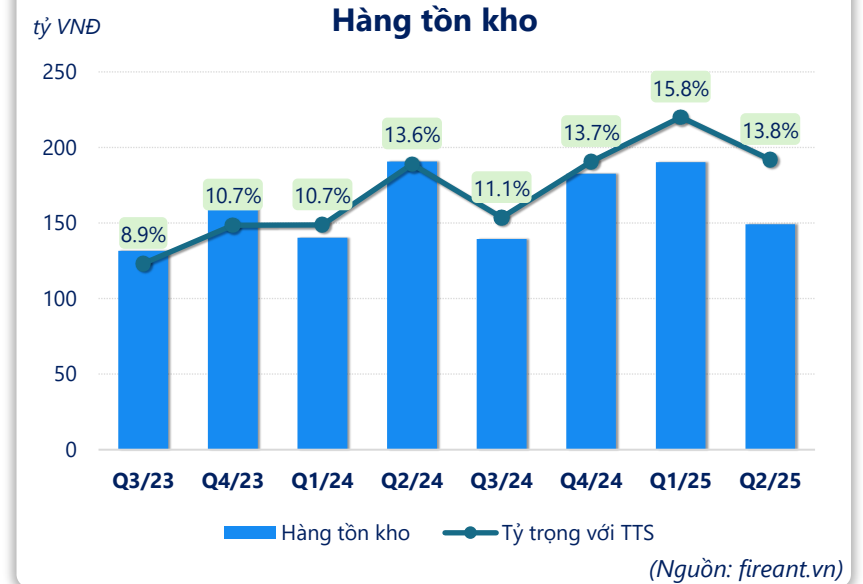
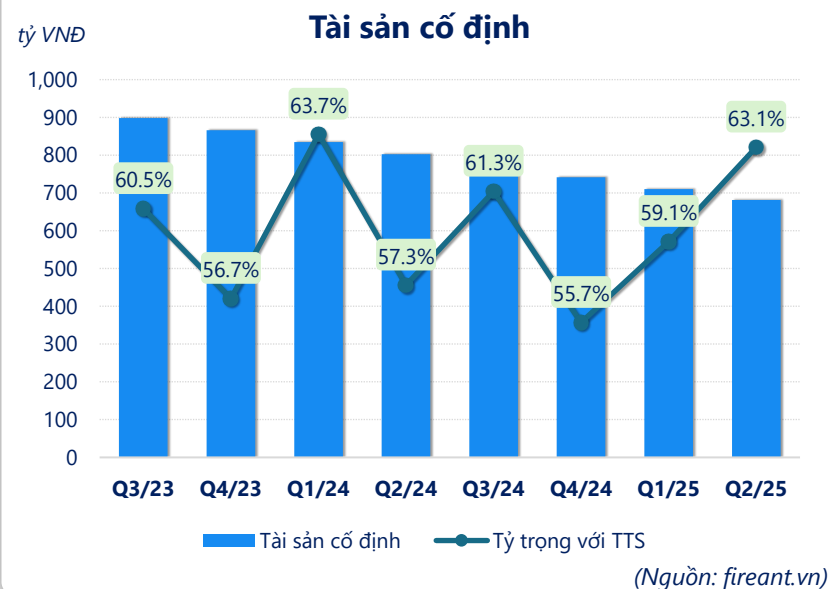
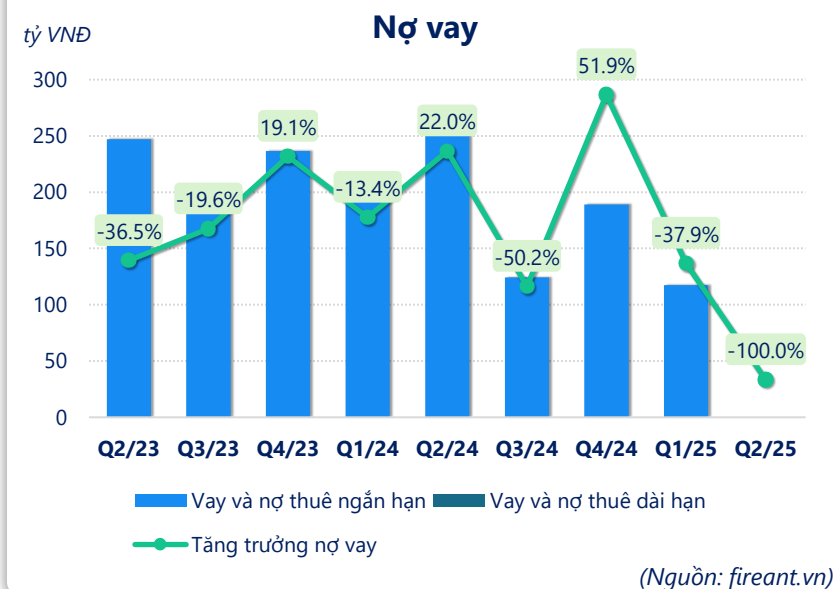
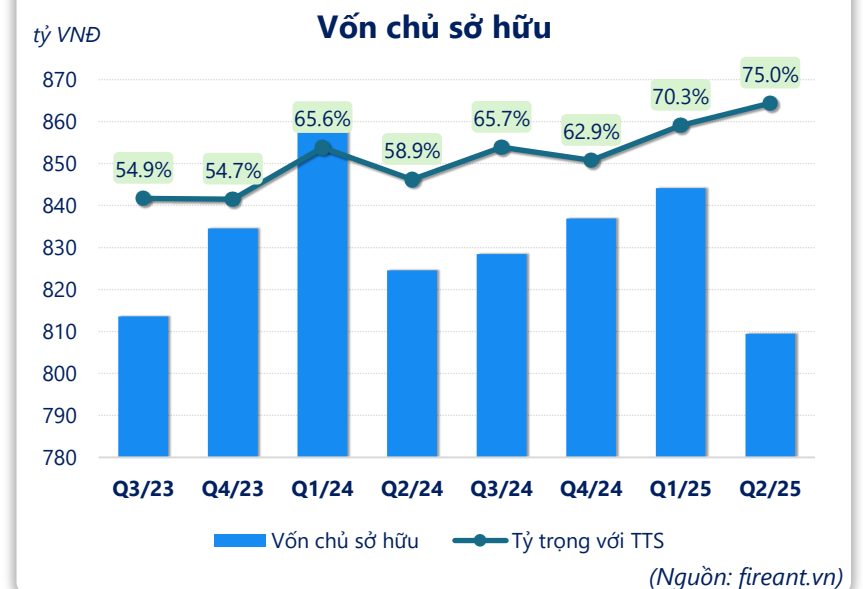
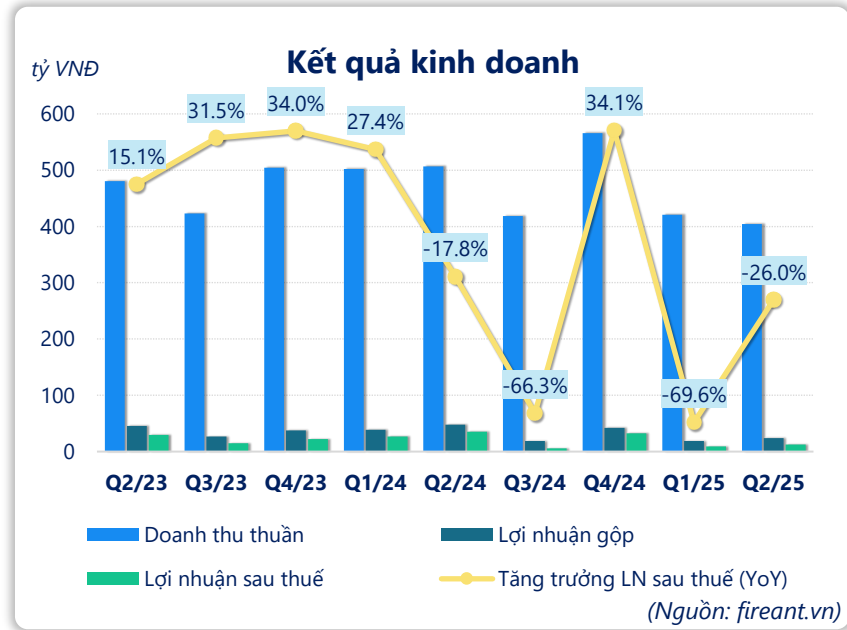
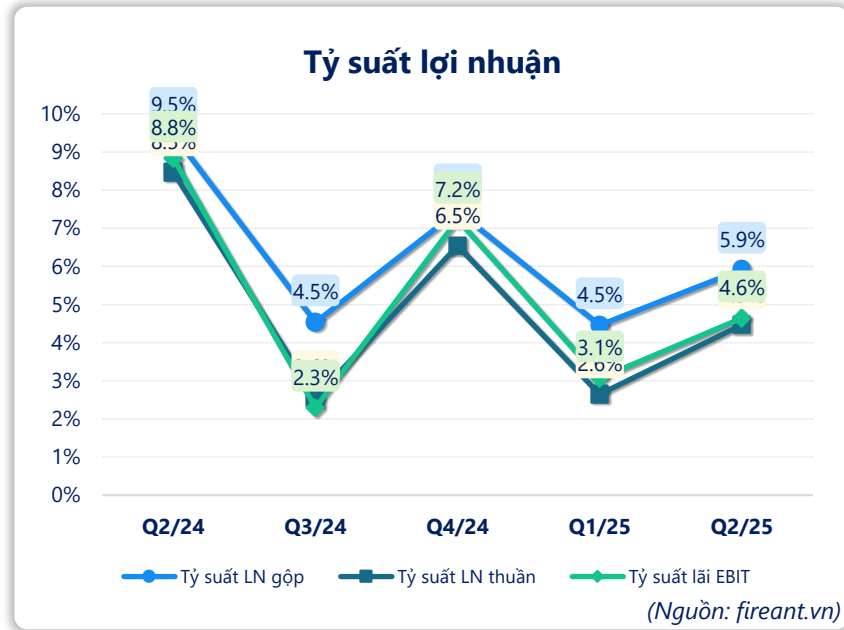
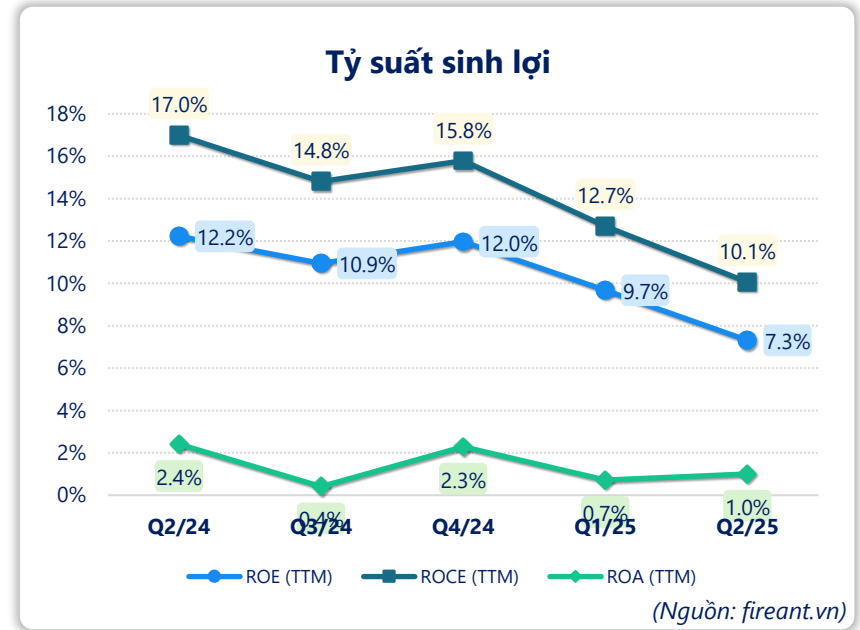
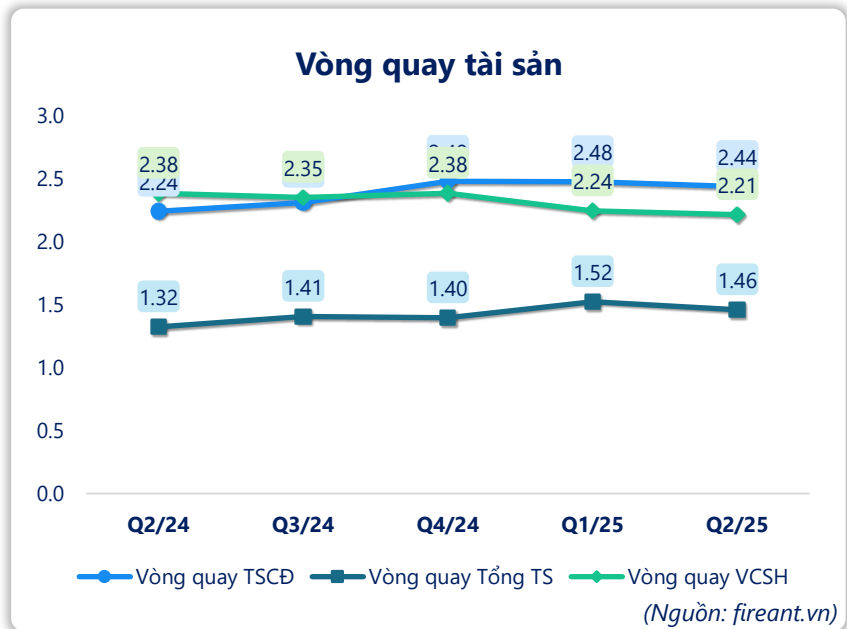
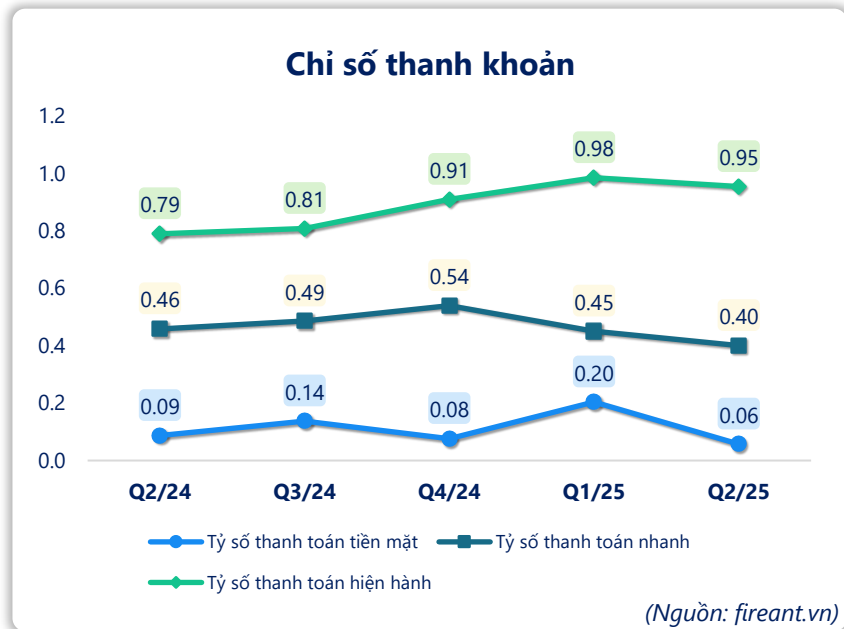
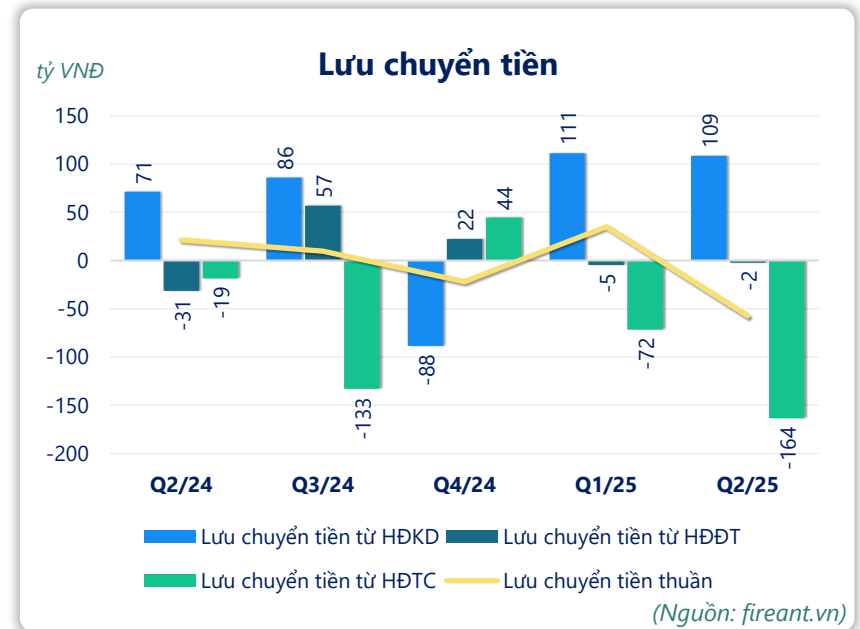


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,307
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,221
SL cổ phiếu LH		45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,360
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		869
P/E		14.5
EPS		1,327

	YTD	1T	3T	6T
BSQ	-3.2%	1.6%	-5.4%	-0.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,079	1,331	-18.9%
Tài sản ngắn hạn	257	449	-42.8%
Tiền và tương đương tiền	15.4	37.7	-59.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	88.1	226	-61.0%
Hàng tồn kho	149	183	-18.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.37	3.03	44.0%
Tài sản dài hạn	822	882	-6.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	681	741	-8.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.6	14.4	15.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	124	126	-1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	270	494	-45.4%
Nợ ngắn hạn	270	494	-45.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	189	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	33.1	49.3	-32.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	809	837	-3.3%
Vốn chủ sở hữu	809	837	-3.3%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	507	418	566	421	404
Giá vốn hàng bán	459	399	524	402	380
Lợi nhuận gộp	47.9	19.0	42.2	18.8	23.9
Doanh thu HĐTC	1.57	0.67	1.20	0.20	0.47
Chi phí TC	1.83	2.11	0.73	1.67	0.60
Chi phí lãi vay	1.82	1.81	0.68	1.66	0.60
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.90	3.59	3.10	2.67	2.62
Chi phí QLDN	1.83	3.26	2.52	3.50	3.10
LN thuần từ HĐKD	42.9	10.7	37.0	11.1	18.1
Lợi nhuận khác	0.01	-2.89	3.19	0.11	0.10
LN trước thuế	42.9	7.80	40.2	11.3	18.2
Lợi nhuận sau thuế	35.3	5.58	32.7	8.93	12.5
LNST của CĐ cty mẹ	35.3	5.58	32.7	8.93	12.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	71.4	85.8	-88.5	111	109
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.4	56.7	22.1	-4.72	-2.14
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.7	-133	44.4	-71.6	-164
Tiền đầu kỳ	28.7	50.0	59.6	37.7	72.6
Lưu chuyển tiền thuần	21.4	9.65	-21.9	34.9	-57.2
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.09	0.00	-0.01	-0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	50.0	59.6	37.7	72.6	15.4

(Nguồn: fireant.vn)